

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

Số: 433/TL-HĐQTCSVN



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-HĐQTCSVN ngày 25/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP.

Hội đồng quản trị Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (*chi tiết Phụ lục sửa đổi, bổ sung và toàn văn Quy chế đính kèm*);

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (*chi tiết Phụ lục sửa đổi, bổ sung và toàn văn Quy chế đính kèm*);

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS, Ban TGD;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PCTT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Trần Công Kha

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN
(Kèm theo Tờ trình số 433/TTr-HĐQTCSVN ngày 25/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)

Quy chế hiện hành (lần 3 – tháng 6/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức vào ngày 17/6/2025.	Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày .../.../2026.	
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	Đề xuất bổ sung
1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Quy chế) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của Pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, Nghị định số 128/NĐ-CP ngày	1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Quy chế) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của Pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, <i>sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025</i> , Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm	

30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, Quy chế cũng được cân nhắc và áp dụng các thông lệ được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Việt Nam và bối cảnh, thực tiễn của Tập đoàn.	hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, <i>Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán</i>, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, Quy chế cũng được cân nhắc và áp dụng các thông lệ được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Việt Nam và bối cảnh, thực tiễn của Tập đoàn.	
<i>Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tập đoàn</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
<i>Điều 4. Quy tắc đạo đức kinh doanh</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
Chương II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Đề xuất bỏ theo kết cấu của Thông tư

		116/2020/TT-BTC
<i>Điều 5. Quyền của cổ đông</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
<i>Điều 6. Đối xử công bằng giữa các cổ đông</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
<i>Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông lớn trong quản trị Tập đoàn</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
<i>Điều 8. Chính sách cổ tức của Tập đoàn</i>		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC đề xuất bỏ
	Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Đề xuất bổ sung theo Thông tư 116
	1. Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn. 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 15 Điều lệ.	Đề xuất bổ sung theo Thông tư 116
	Mục 1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Đề xuất chia nội dung theo Thông tư 116
Điều 9. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 4. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều chỉnh theo Điều lệ
...	...	

2. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ. 3. Các bước cơ bản chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: Quy định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 23 Điều lệ, cụ thể các bước chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau: a) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội: - Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông sẽ xác định thành phần, cách thức tổ chức, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét tất cả các kiến nghị, chính thức hoặc không chính thức, do cổ đông đề xuất để đưa vào chương trình họp. - Việc chuẩn bị tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo đủ thời gian xem xét, quyết định và đáp ứng quy định về quy trình làm việc của Hội đồng quản trị. b) Đưa ra các quyết định sơ bộ: Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định sơ bộ về những vấn đề sau đây trong việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông: - Nội dung, chương trình đại hội; - Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị quyết định ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ.	2. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ. 3. Các bước cơ bản chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: Quy định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ, cụ thể các bước chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau: a) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội: - Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông sẽ xác định thành phần, cách thức tổ chức, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét tất cả các kiến nghị, chính thức hoặc không chính thức, do cổ đông đề xuất để đưa vào chương trình họp. - Việc chuẩn bị tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo đủ thời gian xem xét, quyết định và đáp ứng quy định về quy trình làm việc của Hội đồng quản trị. b) Đưa ra các quyết định sơ bộ: Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định sơ bộ về những vấn đề sau đây trong việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông: - Nội dung, chương trình đại hội; - Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị quyết định ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ.	
---	---	--

- Địa điểm, hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: + Hội đồng quản trị quyết định địa điểm, hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ. Trong đó, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cho phép các cổ đông có thể tham dự họp, đảm bảo có đủ chỗ cho cổ đông tham dự. Số lượng cổ đông tham dự và kế hoạch cụ thể về địa điểm tổ chức họp được Hội đồng quản trị dự tính trước. + Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức theo hình thức trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, trực tuyến theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Trường hợp cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ) cần áp dụng công nghệ thông tin phù hợp để đảm bảo quyền tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. + Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử do Hội đồng quản trị Tập đoàn quyết định và gửi đồng thời với các nội dung, chương trình, tài liệu,... đến cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nêu trên) cũng được áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 11 Quy chế này. - Các thủ tục liên quan đến việc thông báo cuộc họp, danh sách các tài liệu và ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng: Ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng được xác định là ngày cổ đông được quyền tham dự họp	- Địa điểm, hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: + Hội đồng quản trị quyết định địa điểm, hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ. Trong đó, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cho phép các cổ đông có thể tham dự họp, đảm bảo có đủ chỗ cho cổ đông tham dự. Số lượng cổ đông tham dự và kế hoạch cụ thể về địa điểm tổ chức họp được Hội đồng quản trị dự tính trước. + Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức theo hình thức trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, trực tuyến theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Trường hợp cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ) cần áp dụng công nghệ thông tin phù hợp để đảm bảo quyền tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. + Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử do Hội đồng quản trị Tập đoàn quyết định và gửi đồng thời với các nội dung, chương trình, tài liệu,... đến cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nêu trên) cũng được áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 11 Quy chế này. - Các thủ tục liên quan đến việc thông báo cuộc họp, danh sách các tài liệu và ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng: Ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng được xác định là ngày cổ đông được quyền tham dự họp	2 điểm này sẽ được đưa vào Mục 2, Mục 3 theo TT 116 Nội dung Điều 25 Điều lệ đã được đề xuất bỏ trong Điều lệ mới
--	--	---

Đại hội đồng cổ đông đã được quy định tại Điều 25 Điều lệ. c) Lập danh sách cổ đông: Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích: - Xác định các cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm: + Họ, tên; + Địa chỉ liên lạc quốc tịch, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; + Số lượng cổ phần từng loại; + Số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông; + Địa chỉ thư điện tử, nếu có. - Tập đoàn công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Thông báo tới các cổ đông về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. - Người phụ trách quản trị Tập đoàn giúp cổ đông kiểm tra thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền kiểm tra tính chính xác của thông tin trên sổ đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.	Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật. c) Lập danh sách cổ đông: Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích: - Xác định các cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm: + Họ, tên; + Địa chỉ liên lạc quốc tịch, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; + Số lượng cổ phần từng loại; + Số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông; + Địa chỉ thư điện tử, nếu có. - Tập đoàn công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Thông báo tới các cổ đông về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. - Người phụ trách quản trị Tập đoàn giúp cổ đông kiểm tra thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền kiểm tra tính chính xác của thông tin trên sổ đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. - Hội đồng quản trị có thể sửa chữa, bổ sung hoặc thay	
---	--	--

- Hội đồng quản trị có thể sửa chữa, bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông). d) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ, cụ thể như sau: - Cách thức gửi thông báo mời họp: Cách thức thông báo mời họp theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Điều lệ và Thông báo mời họp có thể được (i) gửi qua địa chỉ thư điện tử và đăng tải trên trang thông tin điện tử - website của Tập đoàn; (ii) công bố công khai trên các phương tiện truyền thông có số lượng lớn độc giả; (iii) đăng tải trên các báo ra ở trung ương hoặc địa phương nơi Tập đoàn đóng trụ sở chính ít nhất là 03 (ba) số báo liên tiếp. - Thông tin trong thông báo mời họp: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm đầy đủ các thông tin để hướng dẫn cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin tối thiểu bao gồm: + Tên và địa chỉ trụ sở chính Tập đoàn; + Mã số doanh nghiệp; + Thời gian và địa điểm họp; + Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; + Ngày đăng ký cuối cùng; + Chương trình, nội dung đại hội; + Mẫu giấy uỷ quyền; + Phiếu biểu quyết và tài liệu thảo luận;	đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông). d) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ, cụ thể như sau: - Cách thức gửi thông báo mời họp: Cách thức thông báo mời họp theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ và Thông báo mời họp có thể được (i) gửi qua địa chỉ thư điện tử và đăng tải trên trang thông tin điện tử - website của Tập đoàn; (ii) công bố công khai trên các phương tiện truyền thông có số lượng lớn độc giả; (iii) đăng tải trên các báo ra ở trung ương hoặc địa phương nơi Tập đoàn đóng trụ sở chính ít nhất là 03 (ba) số báo liên tiếp. - Thông tin trong thông báo mời họp: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm đầy đủ các thông tin để hướng dẫn cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin tối thiểu bao gồm: + Tên và địa chỉ trụ sở chính Tập đoàn; + Mã số doanh nghiệp; + Thời gian và địa điểm họp; + Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; + Ngày đăng ký cuối cùng; + Chương trình, nội dung đại hội; + Mẫu giấy uỷ quyền; + Phiếu biểu quyết và tài liệu thảo luận; + Thông tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể	
---	---	--

+ Thông tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể nhận được tài liệu về chương trình, nội dung Đại hội; + Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp; + Địa điểm đăng ký dự họp; + Người được Tập đoàn cử ra để tiếp nhận các thông báo của cổ đông về những sai sót trong việc đăng ký dự họp; + Địa chỉ liên lạc và thông tin về người mà cổ đông gửi biểu quyết bằng văn bản tới Đại hội. - Thông tin và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: Thông tin và tài liệu cơ bản cần cung cấp cho cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: + Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; + Báo cáo của Kiểm toán độc lập; + Báo cáo của Ban kiểm soát; + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; + Dự thảo sửa đổi điều lệ, dự thảo điều lệ mới (nếu có); + Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên + Thông tin về các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát + Ý kiến của Hội đồng quản trị đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các ý kiến phản đối (nếu có). - Cách thức gửi phiếu biểu quyết: Cách thức gửi phiếu biểu quyết được quy định tại Điều lệ hoặc theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết bầu cử của Hội đồng quản trị gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. e) Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp: - Xác định các cổ đông có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào các nội dung chương trình họp:	- nhận được tài liệu về chương trình, nội dung Đại hội; + Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp; + Địa điểm đăng ký dự họp; + Người được Tập đoàn cử ra để tiếp nhận các thông báo của cổ đông về những sai sót trong việc đăng ký dự họp; + Địa chỉ liên lạc và thông tin về người mà cổ đông gửi biểu quyết bằng văn bản tới Đại hội. - Thông tin và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: Thông tin và tài liệu cơ bản cần cung cấp cho cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: + Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; + Báo cáo của Kiểm toán độc lập; + Báo cáo của Ban kiểm soát; + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; + Dự thảo sửa đổi điều lệ, dự thảo điều lệ mới (nếu có); + Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên + Thông tin về các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát + Ý kiến của Hội đồng quản trị đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các ý kiến phản đối (nếu có). - Cách thức gửi phiếu biểu quyết: Cách thức gửi phiếu biểu quyết được quy định tại Điều lệ hoặc theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết bầu cử của Hội đồng quản trị gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. e) Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp: - Xác định các cổ đông có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào các nội dung chương trình họp: + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản	
--	--	--

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp theo quy định tại Điều 26 Điều lệ. + Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng văn bản đến cho Tập đoàn theo quy định tại Điều lệ. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các thông tin sau: • Tên cổ đông; • Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ; • Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tập đoàn; • Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; • Chữ ký của cổ đông; • Lý do đưa ra kiến nghị + Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ. + Hội đồng quản trị có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp không phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật. - Hội đồng quản trị đưa các vấn đề do cổ đông kiến nghị hợp lệ (không bị từ chối) vào nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. - Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông các quyết định từ chối kiến nghị của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cùng lý do từ chối kiến nghị này. Hội đồng quản trị cũng có thể gửi văn bản từ chối kiến nghị cùng lý do từ chối. - Các vấn đề được đưa vào chương trình họp bao gồm	3 Điều 13 Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ. + Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng văn bản đến cho Tập đoàn theo quy định tại Điều lệ. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các thông tin sau: • Tên cổ đông; • Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ; • Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tập đoàn; • Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; • Chữ ký của cổ đông; • Lý do đưa ra kiến nghị + Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ. + Hội đồng quản trị có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp không phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật. - Hội đồng quản trị đưa các vấn đề do cổ đông kiến nghị hợp lệ (không bị từ chối) vào nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. - Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông các quyết định từ chối kiến nghị của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cùng lý do từ chối kiến nghị này. Hội đồng quản trị cũng có thể gửi văn bản từ chối kiến nghị cùng lý do từ chối. - Các vấn đề được đưa vào chương trình họp bao gồm các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	
---	---	--

các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ. f) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 Điều lệ.	quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ. f) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.	
Điều 10. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 28 Điều lệ. Ngoài ra, các bước tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cụ thể được lưu ý, bổ sung như sau: 1. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông: Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể như sau: a) Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc một bộ phận/cá nhân được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông. b) Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ. c) Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện. d) Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự họp trong	Điều 5. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 20 Điều lệ. Ngoài ra, các bước tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cụ thể được lưu ý, bổ sung như sau: 1. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông: Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể như sau: a) Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc một bộ phận/cá nhân được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông. b) Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ. c) Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện. d) Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự họp trong	Điều chỉnh theo điều lệ

trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. e) Việc kiểm tra tư cách đại biểu được quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự họp được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền hợp lệ (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu: Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ. Cụ thể, Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự đại hội được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự họp phù hợp tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết. 3. Khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều 27 Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên bố khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ. Trong trường hợp bầu Chủ tọa, tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất làm	trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. e) Việc kiểm tra tư cách đại biểu được quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự họp được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền hợp lệ (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu: Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ. Cụ thể, Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự đại hội được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự họp phù hợp tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết. 3. Khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều 19 Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên bố khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ. Trong trường hợp bầu Chủ tọa, tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất làm	
---	---	--

Chủ tọa cuộc họp. c) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông đề cử một hoặc một số người làm thư ký để ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Bầu Ban kiểm phiếu: a) Chủ tọa yêu cầu Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Điều lệ. b) Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm: - Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận chuyên môn thích hợp của Tập đoàn; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và không phải là ứng cử viên của các chức danh nêu trên; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên; - Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử. c) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo.	Chủ tọa cuộc họp. c) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông đề cử một hoặc một số người làm thư ký để ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Bầu Ban kiểm phiếu: a) Chủ tọa yêu cầu Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Điều lệ. b) Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm: - Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận chuyên môn thích hợp của Tập đoàn; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và không phải là ứng cử viên của các chức danh nêu trên; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên; - Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử. c) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo.	
--	---	--

d) Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với Tập đoàn. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu. e) Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền: - Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử; - Báo cáo cho Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có. f) Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền đề nghị chủ tọa bổ sung về số lượng nhân sự cần bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. ...	d) Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với Tập đoàn. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu. e) Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền: - Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử; - Báo cáo cho Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có. f) Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền đề nghị chủ tọa bổ sung về số lượng nhân sự cần bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. ...	
Điều 11. Đại hội đồng cổ đông bất thường Trình tự, điều kiện và trách nhiệm triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 23 Điều lệ. Ngoài ra, các quy định cụ thể như sau: 1. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường: Các trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ. 2. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a) Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông bất thường Trình tự, điều kiện và trách nhiệm triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 16 Điều lệ. Ngoài ra, các quy định cụ thể như sau: 1. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường: Các trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ. 2. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a) Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa	Điều chỉnh theo điều lệ

điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn; - Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; - Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ; - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ; - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản nếu Ban kiểm soát thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; - Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. ...	điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn; - Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; - Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ; - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ; - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản nếu Ban kiểm soát thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; - Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. ...	
Điều 12. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều chỉnh theo
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định như sau: 1. Các nghị quyết phải được thông qua với tỷ lệ phiếu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định như sau: 1. Các nghị quyết phải được thông qua với tỷ lệ phiếu	điều lệ

biểu quyết được quy định tại Điều 30 Điều lệ. 2. Các nghị quyết phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản. Các nghị quyết liên quan đến việc phát hành các loại chứng khoán khác phải phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 33 Điều lệ. Các trường hợp sau đây cần phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn tới việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: a) Không thông báo mời họp kịp thời tới tất cả các cổ đông; b) Không cho các cổ đông có cơ hội được tiếp cận với các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông; c) Nghị quyết được thông qua nhưng vi phạm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; d) Các nội dung có trong Nghị quyết mà không có trong chương trình nghị sự đã diễn ra trong thực tế.	biểu quyết được quy định tại Điều 21 Điều lệ. 2. Các nghị quyết phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản. Các nghị quyết liên quan đến việc phát hành các loại chứng khoán khác phải phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ. Các trường hợp sau đây cần phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn tới việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: a) Không thông báo mời họp kịp thời tới tất cả các cổ đông; b) Không cho các cổ đông có cơ hội được tiếp cận với các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông; c) Nghị quyết được thông qua nhưng vi phạm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; d) Các nội dung có trong Nghị quyết mà không có trong chương trình nghị sự đã diễn ra trong thực tế. <i>4. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:</i> <i>a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i> <i>b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu có liên quan kèm theo (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin.</i>	Đề xuất bổ sung theo Thông tư 116
Điều 13. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông	Thông tư Thông tư 116/2020/TT-BTC không có, tuy nhiên đề xuất giữ nguyên

		nội dung, điều chỉnh Điều
	Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Đề xuất chia nội dung theo Thông tư 116
	Điều 9. Thẩm quyền	
	<i>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ.</i>	Đề xuất chia nội dung theo Thông tư 116 Nội dung trích từ điều 22 điều lệ
	Điều 10. Thể thức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Đề xuất chia nội dung theo Thông tư 116
	<i>Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 18 Điều lệ</i> <i>1. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b) Mục đích lấy ý kiến;</i>	Đề xuất chia nội dung theo Thông tư 116 Trích từ điều 22 Điều lệ

	c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f) Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn; 2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền; 3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tập đoàn theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia	
--	--	--

	biểu quyết. 4 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e) Các vấn đề đã được thông qua; f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; 5 Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tập đoàn có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện	
--	---	--

	tử của Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. 6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn. 7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
	Mục 3. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác	Đề xuất bổ sung theo Thông tư 116
	Điều 11. Trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến kết hợp trực tuyến	Đề xuất bổ sung theo Thông tư 116 (nhưng gộp chung, ko chia nhỏ như TT 116)
	1. Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình của Tập đoàn để quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác như: họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp. Cổ đông đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. 2. Tập đoàn có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin phù hợp để đảm bảo quyền tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác cùng các quy định về trình tự, thủ tục và yêu cầu cụ thể về đăng ký dự họp, cách thức tiến hành, thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp sẽ tuân thủ quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo từng thời điểm.	

	Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến (hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến) và bỏ phiếu điện tử do Hội đồng quản trị Tập đoàn quyết định và gửi đồng thời với các nội dung, chương trình, tài liệu,... đến cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến (hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến) và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nêu trên) cũng được áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 6 Quy chế này. 3. Hệ thống tổ chức Đại hội bằng hình thức này cần đáp ứng các điều kiện sau: - Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông. - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến. - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng. - Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định	
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều chỉnh theo điều lệ
1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám	

sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực được quy định cụ thể tại Điều 36 Điều lệ và Điều 12 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn.	sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ và Điều 12 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn	
Điều 15. Thành phần, cơ cấu của Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều 34 Điều lệ, được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Tập đoàn và cổ đông vào từng thời kỳ. 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tập đoàn cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành. 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Phân loại thành viên của Hội đồng quản trị: a) Các thành viên của Hội đồng quản trị được phân loại như sau:	Điều 13. Thành phần, cơ cấu của Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều 25 Điều lệ, được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Tập đoàn và cổ đông vào từng thời kỳ. 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tập đoàn cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo theo quy định pháp luật. b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành. 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Phân loại thành viên của Hội đồng quản trị: a) Các thành viên của Hội đồng quản trị được phân loại như sau:	Căn cứ khoản 79 Điều 1, Nghị định 245/2025/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

- Theo tính điều hành: Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành và thành viên không điều hành - Theo tính độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thành viên độc lập và thành viên không độc lập. Như vậy, có 3 (ba) nhóm thành viên Hội đồng quản trị như sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị điều hành; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập; (iii) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (không độc lập). b) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý, điều hành nào trong Tập đoàn. c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ và đáp ứng các điều kiện sau: - Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; - Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên	- Theo tính điều hành: Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành và thành viên không điều hành - Theo tính độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thành viên độc lập và thành viên không độc lập. Như vậy, có 3 (ba) nhóm thành viên Hội đồng quản trị như sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị điều hành; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập; (iii) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (không độc lập). b) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý, điều hành nào trong Tập đoàn. c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ và đáp ứng các điều kiện sau: - Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; - Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên	
--	--	--

tục 02 nhiệm kỳ. - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn; là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn. 5. Ứng cử, đề cử, thẩm tra tư cách ứng cử viên: Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ học vấn; c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn; g) Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có); h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng	tục 02 nhiệm kỳ. - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn; là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn. 5. Ứng cử, đề cử, thẩm tra tư cách ứng cử viên: Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ học vấn; c) Trình độ chuyên môn; d) Quá trình công tác; e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn; g) Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có); h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng	
--	--	--

viên đó (nếu có); i) Các thông tin khác (nếu có). 6. Phẩm chất, năng lực: Yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 35 Điều lệ ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây: a) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Tập đoàn; b) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý; c) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả; d) Có kinh nghiệm, am hiểu các vấn đề sản xuất kinh doanh, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh; e) Có khả năng đưa kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.	viên đó (nếu có); i) Các thông tin khác (nếu có). 6. Phẩm chất, năng lực: Yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây: a) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Tập đoàn; b) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý; c) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả; d) Có kinh nghiệm, am hiểu các vấn đề sản xuất kinh doanh, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh; e) Có khả năng đưa kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.	
Điều 16. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Điều lệ. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải hành động vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn được thể hiện như sau: 1. Trách nhiệm: a) Thể hiện ở việc các thành viên Hội đồng quản trị có	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải hành động vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn được thể hiện như sau: 1. Trách nhiệm: a) Thể hiện ở việc các thành viên Hội đồng quản trị có	

trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cẩn trọng và chuyên nghiệp, cụ thể: - Hành động một cách trung thực với thiện ý; - Phải chủ động và tránh để bị rơi vào tình thế thụ động; - Cẩn trọng ở mức độ tối đa; - Thường xuyên tham gia một cách tích cực vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị; - Tập trung vào các vấn đề trong chương trình nghị sự tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ động yêu cầu tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết; - Đảm bảo rằng Tập đoàn có một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả; - Yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin cho Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị nắm vững những vấn đề trong Tập đoàn; - Thực thi trách nhiệm giám sát phù hợp đối với Cán bộ quản lý cấp cao. b) Thành viên Hội đồng quản trị phải trung thành với lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được thực hiện các hành động sau: - Tham gia vào Hội đồng quản trị của Đối thủ cạnh tranh; - Sử dụng tài sản và tiện ích của Tập đoàn để phục vụ nhu cầu riêng; - Tiết lộ thông tin bí mật làm ảnh hưởng tới lợi ích của Tập đoàn; - Sử dụng thông tin hoặc các cơ hội kinh doanh của Tập đoàn vì lợi ích cá nhân để thu lợi riêng. c) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ dừng thực thi nhiệm vụ của mình nếu có xung đột lợi ích. Thành viên Hội	trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cẩn trọng và chuyên nghiệp, cụ thể: - Hành động một cách trung thực với thiện ý; - Phải chủ động và tránh để bị rơi vào tình thế thụ động; - Cẩn trọng ở mức độ tối đa; - Thường xuyên tham gia một cách tích cực vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị; - Tập trung vào các vấn đề trong chương trình nghị sự tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ động yêu cầu tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết; - Đảm bảo rằng Tập đoàn có một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả; - Yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin cho Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị nắm vững những vấn đề trong Tập đoàn; - Thực thi trách nhiệm giám sát phù hợp đối với Cán bộ quản lý cấp cao. b) Thành viên Hội đồng quản trị phải trung thành với lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được thực hiện các hành động sau: - Tham gia vào Hội đồng quản trị của Đối thủ cạnh tranh; - Sử dụng tài sản và tiện ích của Tập đoàn để phục vụ nhu cầu riêng; - Tiết lộ thông tin bí mật làm ảnh hưởng tới lợi ích của Tập đoàn; - Sử dụng thông tin hoặc các cơ hội kinh doanh của Tập đoàn vì lợi ích cá nhân để thu lợi riêng. c) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ dừng thực thi nhiệm vụ của mình nếu có xung đột lợi ích. Thành viên Hội	
--	--	--

đồng quản trị phải ngay lập tức thông báo cho Hội đồng quản trị thông qua Người phụ trách quản trị Tập đoàn về bất kỳ một xung đột lợi ích tiềm ẩn nào. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ báo cáo thông tin về xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 52 Điều lệ. d) Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện việc bảo mật thông tin. Quy định về các thông tin được đề cập tại Chương X của Quy chế này. Đặc biệt là: - Thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin bí mật của Tập đoàn thông qua việc xác lập các quy định nội bộ về bảo vệ và công bố thông tin của Tập đoàn cũng như các tiêu chuẩn sử dụng thông tin bí mật đó; - Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn hoặc sử dụng thông tin mật của Tập đoàn vì lợi ích riêng; - Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn trong (05) năm kể từ ngày rời khỏi Tập đoàn. Yêu cầu này sẽ được quy định trong Thỏa thuận thành viên được ký kết giữa Tập đoàn và thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Hội đồng quản trị trước khi đảm nhận vai trò thành viên hoặc trong một thời gian ngắn nhất từ khi trở thành thành viên sẽ ký bản cam kết về việc nhận thức và thực hiện các yêu cầu của pháp luật và các bổn phận liên quan đến việc bảo mật thông tin. e) Các trách nhiệm khác (được quy định cụ thể tại Quy chế này khi phát sinh). ...	đồng quản trị phải ngay lập tức thông báo cho Hội đồng quản trị thông qua Người phụ trách quản trị Tập đoàn về bất kỳ một xung đột lợi ích tiềm ẩn nào. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ báo cáo thông tin về xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 41 Điều lệ. d) Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện việc bảo mật thông tin. Đặc biệt là: - Thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin bí mật của Tập đoàn thông qua việc xác lập các quy định nội bộ về bảo vệ và công bố thông tin của Tập đoàn cũng như các tiêu chuẩn sử dụng thông tin bí mật đó; - Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn hoặc sử dụng thông tin mật của Tập đoàn vì lợi ích riêng; - Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn trong (05) năm kể từ ngày rời khỏi Tập đoàn. Yêu cầu này sẽ được quy định trong Thỏa thuận thành viên được ký kết giữa Tập đoàn và thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên Hội đồng quản trị trước khi đảm nhận vai trò thành viên hoặc trong một thời gian ngắn nhất từ khi trở thành thành viên sẽ ký bản cam kết về việc nhận thức và thực hiện các yêu cầu của pháp luật và các bổn phận liên quan đến việc bảo mật thông tin. e) Các trách nhiệm khác (được quy định cụ thể tại Quy chế này khi phát sinh). ...	Đề xuất bỏ Chương X theo TT 116
Điều 18. Chế độ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 16. Chế độ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội

		dung
Điều 19. Quy trình làm việc của Hội đồng quản trị	Điều 17. Quy trình làm việc của Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 20. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị	Điều 18. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Chuyển điều 26 (cũ) lên để phù hợp với TT116	Điều 19. Người phụ trách quản trị Tập đoàn	
	<i>1. Vai trò của Người phụ trách quản trị Tập đoàn:</i> <i>Người phụ trách quản trị Tập đoàn hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả, cụ thể:</i> <i>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;</i> <i>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</i> <i>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</i> <i>d) Tham dự các cuộc họp;</i> <i>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</i> <i>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</i> <i>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn.</i> <i>h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;</i> <i>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</i>	

	2. <i>Bổ nhiệm, nhiệm kỳ và miễn nhiệm:</i> a) <i>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tập đoàn có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ với nhiệm kỳ đầu tiên là ba (3) năm, nhiệm kỳ tiếp theo tối đa là năm (05) năm.</i> b) <i>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.</i>	
Chương IV. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	Chương IV. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH	
Điều 21. Bộ máy điều hành và thẩm quyền của Bộ máy điều hành	Điều 20. Bộ máy điều hành và thẩm quyền của Bộ máy điều hành	
1. Cơ cấu của Bộ máy điều hành được quy định tại Điều 42 Điều lệ bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. 2. Mọi quan hệ công tác giữa các thành viên của Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quy định. Tổng Giám đốc có tất cả các thẩm quyền trừ các thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như được quy định tại Điều 44 Điều lệ, cụ thể: a) Tổng Giám đốc quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn (trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) và thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Tập đoàn hoặc Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. b) Quyền hạn của từng thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định thông qua văn bản quy định nội bộ sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản	1. Cơ cấu của Bộ máy điều hành được quy định tại Điều 33 Điều lệ bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. 2. Mọi quan hệ công tác giữa các thành viên của Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quy định. Tổng Giám đốc có tất cả các thẩm quyền trừ các thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như được quy định tại Điều 35 Điều lệ, cụ thể: a) Tổng Giám đốc quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn (trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) và thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Tập đoàn hoặc Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. b) Quyền hạn của từng thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định thông qua văn bản quy định nội bộ sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản	

trị (bao gồm Quy định về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác). 3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định, trong đó phải đảm bảo: a) Mọi thành viên của Bộ máy quản lý đều có nghĩa vụ và trách nhiệm với Tập đoàn giống như các thành viên Hội đồng quản trị và phải tuân theo cùng tiêu chuẩn trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị như được đề cập tại Điều 17.1 của Quy chế này. b) Nhiệm vụ và trách nhiệm của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được quy định cụ thể tại các văn bản, tài liệu và quy định nội bộ của Tập đoàn do Tổng Giám đốc ban hành theo thẩm quyền sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị. 4. Thủ tục xin phê duyệt của Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 44 Điều lệ. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 36 Điều lệ. 5. Các nội dung, vấn đề mà Tổng Giám đốc phải xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Điều lệ và theo quy trình tại Điều 35 Quy chế này.	trị (bao gồm Quy định về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác). 3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định, trong đó phải đảm bảo: a) Mọi thành viên của Bộ máy quản lý đều có nghĩa vụ và trách nhiệm với Tập đoàn giống như các thành viên Hội đồng quản trị và phải tuân theo cùng tiêu chuẩn trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị như được đề cập tại Điều 15.1 của Quy chế này. b) Nhiệm vụ và trách nhiệm của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được quy định cụ thể tại các văn bản, tài liệu và quy định nội bộ của Tập đoàn do Tổng Giám đốc ban hành theo thẩm quyền sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị. 4. Thủ tục xin phê duyệt của Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 27 Điều lệ. 5. Các nội dung, vấn đề mà Tổng Giám đốc phải xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ và theo quy trình tại Điều 33 Quy chế này.	
Điều 22. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Bộ máy điều hành	Điều 21. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Bộ máy điều hành	
1. Bầu chọn và nhiệm kỳ của Bộ máy điều hành: a) Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 43 Điều lệ. - Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc;	1. Bầu chọn và nhiệm kỳ của Bộ máy điều hành: a) Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 34 Điều lệ. - Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc;	

[illegible]

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật; d) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Tập đoàn; người đại diện phân vốn nhà nước tại Tập đoàn; e) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác. 3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng: Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau: a) Không thuộc đối tượng những người không được làm Kế toán theo quy định tại điều 52 Luật Kế toán 2015; b) Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn; c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán. 4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức: Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 45 Điều lệ. Hội đồng quản trị sẽ xây dựng thủ tục, quy trình có liên quan cho các trường hợp cụ thể để thực hiện quy trình bãi miễn, miễn nhiệm, cách chức với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định tại Điều 46 Điều lệ. 5. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức thành viên Bộ máy điều hành, Tập đoàn	khuyết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật; d) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Tập đoàn; người đại diện phân vốn nhà nước tại Tập đoàn; e) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác. 3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng: Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau: a) Không thuộc đối tượng những người không được làm Kế toán theo quy định tại điều 52 Luật Kế toán 2015; b) Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn; c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán. 4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức: Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 36 Điều lệ. Hội đồng quản trị sẽ xây dựng thủ tục, quy trình có liên quan cho các trường hợp cụ thể để thực hiện quy trình bãi miễn, miễn nhiệm, cách chức với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định tại Điều 37 Điều lệ. 5. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức thành viên Bộ máy điều hành, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn	
--	--	--

có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan.	và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan.	
Điều 23. Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều 22. Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 24. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành	Điều 23. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 25. Đào tạo và Đánh giá năng lực hoạt động	Điều 24. Đào tạo và Đánh giá năng lực hoạt động	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
<i>Điều 26. Người phụ trách quản trị Tập đoàn</i>		Là điều 19 mới
Chương V. BAN KIỂM SOÁT	Chương IV. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 27. Thành phần và yêu cầu đối với Kiểm soát viên	Điều 25. Thành phần và yêu cầu đối với Kiểm soát viên	
1. Ban kiểm soát: a) Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. b) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số, Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và phải làm việc chuyên trách tại Tập đoàn. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một thành	1. Ban kiểm soát: a) Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. b) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số, Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một thành viên chuyên trách.	Điều chỉnh theo Điều 43 Điều lệ mới

viên chuyên trách. c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. d) Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm; số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký cuộc họp (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. e) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp; b) Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trường Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Tập đoàn, các thành viên ban kiểm soát còn lại có thể là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; c) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân	c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. d) Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm; số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký cuộc họp (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. e) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp; b) Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trường Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên có thể là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; c) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm	Điều chỉnh theo Điều 44 Điều lệ mới
--	---	--

viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó; d) Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn; e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Mẹ Tập đoàn; f) Không phải là người quản lý Tập đoàn; g) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn; h) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; i) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.	liền trước đó; d) Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn; e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Mẹ Tập đoàn; f) Không phải là người quản lý Tập đoàn; g) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn; h) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; i) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.	
Điều 28. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát	
1.Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 56 Điều lệ, cụ thể như sau: a) Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông; b) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động	1.Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Điều lệ, cụ thể như sau: a) Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông; b) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động	

kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn. f) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ; g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu; h) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn; i) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh	kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn. f) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ; g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu; h) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn; i) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh	
--	--	--

doanh của Tập đoàn; j) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn; l) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện các nhiệm vụ được giao; m) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; n) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; o) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp; q) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	doanh của Tập đoàn; j) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn; l) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện các nhiệm vụ được giao; m) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; n) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn; o) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp; q) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
---	---	--

...	...	
Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên	Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên	
Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ. Các nội dung được cụ thể như sau: 1. Tư cách và không còn tư cách Kiểm soát viên được quy định tại Điều 61 Điều lệ. 2. Nhiệm kỳ, số lượng và việc bầu lại Kiểm soát viên được quy định tại Điều 54, Điều 55 Điều lệ. 3. Cách thức biểu quyết bầu Kiểm soát viên được quy định tại khoản 4 Điều 54 Điều lệ.	Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ. Các nội dung được cụ thể như sau: 1. Tư cách và không còn tư cách Kiểm soát viên được quy định tại Điều 50 Điều lệ. 2. Nhiệm kỳ, số lượng và việc bầu lại Kiểm soát viên được quy định tại Điều 43, Điều 44 Điều lệ. 3. Cách thức biểu quyết bầu Kiểm soát viên được quy định tại khoản 4 Điều 43 Điều lệ.	
Điều 30. Thù lao cho Ban kiểm soát	Điều 28. Thù lao cho Ban kiểm soát	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 31. Quy trình hoạt động của Ban kiểm soát	Điều 29. Quy trình hoạt động của Ban kiểm soát	
1. Quy trình hoạt động của Ban Kiểm soát để thực thi quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 56 Điều lệ và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai cụ thể theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định. 2. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Thư ký của buổi họp và các thành viên tham dự họp phải ký vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu trữ như một tài liệu quan trọng của Tập đoàn nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.	1. Quy trình hoạt động của Ban Kiểm soát để thực thi quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 45 Điều lệ và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai cụ thể theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định. 2. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Thư ký của buổi họp và các thành viên tham dự họp phải ký vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu trữ như một tài liệu quan trọng của Tập đoàn nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Đề xuất sửa theo điều 15 của Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS thường không có NQ)
Điều 32. Báo cáo của Ban kiểm soát	Điều 30. Báo cáo của Ban kiểm soát	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Chương VI. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP	Chương VI. QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP	

HOẠT ĐỘNG	HOẠT ĐỘNG	
Điều 33. Nguyên tắc làm việc	Điều 31. Nguyên tắc làm việc	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tập đoàn. 2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tập đoàn. 2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.	Giữ nguyên
Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát	Điều 32. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 35. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị	Điều 33. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị	
1. Đối với Ban Kiểm soát: a) Chương trình, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị. b) Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 07 ngày kể từ ngày xác lập. c) Đối với đề xuất của Ban Kiểm soát về số lượng thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày. d) Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày.	1. Đối với Ban Kiểm soát: a) Chương trình, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị. b) Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 07 ngày kể từ ngày xác lập. c) Đối với đề xuất của Ban Kiểm soát về số lượng thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày. d) Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày.	Thay đổi để thống nhất

...	...	
Điều 36. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Chương VII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	Chương VII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT	
Điều 37. Đánh giá hoạt động	Điều 35. Đánh giá hoạt động	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 38. Khen thưởng	Điều 36. Khen thưởng	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 39. Kỷ luật	Điều 37. Kỷ luật	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
<i>Chương VIII. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ</i> <i>Tùy thuộc vào quy mô, phạm vi và tính chất hoạt động ở thời điểm thích hợp, Tập đoàn sẽ thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để giám sát sự tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định nội bộ và các quy trình hoạt động. Hệ thống này sẽ trợ giúp Hội đồng quản trị thực hiện việc tự đánh giá để đảm bảo tính đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.</i>		Đề xuất bỏ vì Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC.
<i>Điều 40. Nguyên tắc kiểm soát nội bộ</i>		
<i>Điều 41. Thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ</i>		
<i>Điều 42. Trách nhiệm về kiểm soát nội bộ</i>		
<i>Điều 43. Kiểm toán độc lập</i>		
<i>Chương IX. GIAO DỊCH TRỌNG YẾU VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN</i>		

ĐẾN TẬP ĐOÀN		
Điều 44. Các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn		
Điều 45. Giao dịch với Người có liên quan		
Điều 46. Các bên có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn		
Chương X. CÔNG BỐ THÔNG TIN – MINH BẠCH VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN		
Điều 47. Nguyên tắc về công bố thông tin		
Điều 48. Thông tin bí mật		
Điều 49. Thông tin nội bộ và giao dịch nội bộ		
Điều 50. Tổ chức công bố thông tin, quản lý thông tin và tính minh bạch		
Điều 51. Các nội dung công bố thông tin		
Điều 52. Công bố thông tin về các cổ đông lớn		
Điều 53. Bảo mật thông tin		
Chương XI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM		
Điều 54. Báo cáo		
Điều 55. Giám sát		
Điều 56. Xử lý vi phạm		
Chương XII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	Chương VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi quy chế	Điều 38. Bổ sung và sửa đổi quy chế	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ của Tập đoàn cũng như bản Quy	1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ của Tập đoàn cũng như bản Quy	

chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.	chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng ngay sau khi có hiệu lực thi hành và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.	
Điều 58. Ngày hiệu lực	Điều 39. Ngày hiệu lực	
1. Bản quy chế này gồm 12 chương, 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của bản Quy chế này. 2. Quy chế này được thành lập 10 bản, có giá trị như nhau. 3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn. 4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.	1. Bản quy chế này gồm 8 chương, 39 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 202.... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của bản Quy chế này. 2. Quy chế này được thành lập 10 bản, có giá trị như nhau. 3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn. 4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP



QUY CHẾ **NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY** **CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP** *(Lần thứ 4)*

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày .../.../2026.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là Quy chế) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của Pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, Quy chế cũng được cân nhắc và áp dụng các thông lệ được chấp nhận rộng rãi trên thế giới về quản trị công ty phù hợp với điều kiện tại Việt Nam và bối cảnh, thực tiễn của Tập đoàn.

2. Để thực thi một chính sách rõ ràng về quản trị Tập đoàn đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tập đoàn, Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tập đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (ii) thẩm quyền, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ quản lý, điều hành trong Tập đoàn; (iii) thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của Người quản lý doanh nghiệp, Ban kiểm soát và (iv) quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Người quản lý doanh nghiệp, Ban kiểm soát khi tham gia vào quá trình quản trị của Tập đoàn. Đồng thời, Quy chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Tập đoàn.

3. Quy chế được áp dụng đối với Tập đoàn. Khuyến khích việc áp dụng các nội dung phù hợp của Quy chế này đối với các đơn vị thành viên của Tập đoàn (công ty con, các đơn vị phụ thuộc, các công ty liên kết, các công ty tự nguyện

liên kết).

4. Quy chế được áp dụng đối với phạm vi các đối tượng là cổ đông, Người quản lý doanh nghiệp, Ban kiểm soát.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây có nghĩa như sau:

a) *Tập đoàn*: là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP.

b) *Quản trị Tập đoàn*: là hệ thống các nguyên tắc và quy tắc để đảm bảo cho Tập đoàn được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan đến Tập đoàn.

c) *Điều lệ*: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP.

d) *Đại hội đồng cổ đông*: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn.

e) *Hội đồng quản trị*: là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

f) *Ban kiểm soát*: là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

g) *Người quản lý doanh nghiệp*: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tập đoàn ký kết giao dịch của Tập đoàn.

h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phần biểu quyết của Tập đoàn.

i) *Người có liên quan*: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tập đoàn trong các trường hợp được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

j) *Người có quan hệ gia đình*: là cá nhân có quan hệ được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ, trường hợp trong Điều lệ chưa quy định rõ sẽ có nghĩa tương tự trong Luật Doanh nghiệp.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tập đoàn..
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 15 Điều lệ.

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Trình tự, thủ tục tổ chức và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Mục 1 Điều lệ. Tập đoàn công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm thích hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ.

3. Các bước cơ bản chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quy định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ, cụ thể các bước chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

a) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội:

- Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông sẽ xác định thành phần, cách thức tổ chức, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xem xét tất cả các kiến nghị, chính thức hoặc không chính thức, do cổ đông đề xuất để đưa vào chương trình họp.

- Việc chuẩn bị tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo đủ thời gian xem xét, quyết định và đáp ứng quy định về quy trình làm việc của Hội đồng quản trị.

b) Đưa ra các quyết định sơ bộ:

Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định sơ bộ về những vấn đề sau đây trong việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông:

- Nội dung, chương trình đại hội;
- Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị quyết định ngày tổ

chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ.

- Địa điểm, hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- + Hội đồng quản trị quyết định địa điểm, hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ. Trong đó, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cho phép các cổ đông có thể tham dự họp, đảm bảo có đủ chỗ cho cổ đông tham dự. Số lượng cổ đông tham dự và kế hoạch cụ thể về địa điểm tổ chức họp được Hội đồng quản trị dự tính trước.

- Các thủ tục liên quan đến việc thông báo cuộc họp, danh sách các tài liệu và ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng: Ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng được xác định là ngày cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

c) Lập danh sách cổ đông:

Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích:

- Xác định các cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm:

- + Họ, tên;

- + Địa chỉ liên lạc quốc tịch, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

- + Số lượng cổ phần từng loại;

- + Số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

- + Địa chỉ thư điện tử, nếu có.

- Tập đoàn công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

- Thông báo tới các cổ đông về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

- Người phụ trách quản trị Tập đoàn giúp cổ đông kiểm tra thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền kiểm tra tính chính xác của thông tin trên sổ đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

- Hội đồng quản trị có thể sửa chữa, bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông).

d) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ, cụ thể như sau:

- Cách thức gửi thông báo mời họp: Cách thức thông báo mời họp theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ và Thông báo mời họp có thể được (i) gửi qua địa chỉ thư điện tử và đăng tải trên trang thông tin điện tử - website của Tập đoàn; (ii) công bố công khai trên các phương tiện truyền thông có số lượng lớn độc giả; (iii) đăng tải trên các báo ra ở trung ương hoặc địa phương nơi Tập đoàn đóng trụ sở chính ít nhất là 03 (ba) số báo liên tiếp.

- Thông tin trong thông báo mời họp: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm đầy đủ các thông tin đề hướng dẫn cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin tối thiểu bao gồm:

- + Tên và địa chỉ trụ sở chính Tập đoàn;
- + Mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian và địa điểm họp;
- + Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông;
- + Ngày đăng ký cuối cùng;
- + Chương trình, nội dung đại hội;
- + Mẫu giấy uỷ quyền;
- + Phiếu biểu quyết và tài liệu thảo luận;
- + Thông tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể nhận được tài liệu về chương trình, nội dung Đại hội;
- + Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;
- + Địa điểm đăng ký dự họp;
- + Người được Tập đoàn cử ra để tiếp nhận các thông báo của cổ đông về những sai sót trong việc đăng ký dự họp;
- + Địa chỉ liên lạc và thông tin về người mà cổ đông gửi biểu quyết bằng văn bản tới Đại hội.

- Thông tin và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: Thông tin và tài liệu cơ bản cần cung cấp cho cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- + Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- + Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát;
- + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- + Dự thảo sửa đổi điều lệ, dự thảo điều lệ mới (nếu có);

+ Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

+ Thông tin về các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

+ Ý kiến của Hội đồng quản trị đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các ý kiến phản đối (nếu có).

- Cách thức gửi phiếu biểu quyết: Cách thức gửi phiếu biểu quyết được quy định tại Điều lệ hoặc theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết bầu cử của Hội đồng quản trị gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp:

- Xác định các cổ đông có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào các nội dung chương trình họp:

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ.

+ Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng văn bản đến cho Tập đoàn theo quy định tại Điều lệ. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các thông tin sau:

- Tên cổ đông;
- Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
- Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tập đoàn;
- Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- Chữ ký của cổ đông;
- Lý do đưa ra kiến nghị

+ Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền họp lệ.

+ Hội đồng quản trị có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp không phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đưa các vấn đề do cổ đông kiến nghị họp lệ (không bị từ chối) vào nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông các quyết định từ chối kiến nghị của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cùng lý do từ chối kiến nghị này. Hội đồng quản trị cũng có thể gửi văn bản từ chối kiến nghị cùng lý do từ chối.

- Các vấn đề được đưa vào chương trình họp bao gồm các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ.

f) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Điều 5. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 20 Điều lệ. Ngoài ra, các bước tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông cụ thể được lưu ý, bổ sung như sau:

1. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể như sau:

a) Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc một bộ phận/cá nhân được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ.

c) Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

d) Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.

e) Việc kiểm tra tư cách đại biểu được quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự họp được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền hợp lệ (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu:

Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ. Cụ thể, Người phụ trách quản trị Tập đoàn hoặc Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự đại hội được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự họp phù hợp tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

3. Khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Khi đạt đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều 19

Điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên bố khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ. Trong trường hợp bầu Chủ tọa, tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông đề cử một hoặc một số người làm thư ký đề ghi và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Bầu Ban kiểm phiếu:

a) Chủ tọa yêu cầu Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Điều lệ.

b) Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm:

- Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận chuyên môn thích hợp của Tập đoàn;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và không phải là ứng cử viên của các chức danh nêu trên;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

- Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

c) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo.

d) Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với Tập đoàn. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu.

e) Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền:

- Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử;

- Báo cáo cho Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có.

f) Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền đề nghị chủ tọa bổ sung về số lượng

nhân sự cần bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Khách mời tham dự cuộc họp:

Kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định để phát biểu ý kiến về các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Ngoài ra, Hội đồng quản trị Tập đoàn có thể mời chủ nợ, các nhà đầu tư tiềm năng, cán bộ công nhân viên, các quan chức chính phủ, nhà báo, các chuyên gia, các cá nhân và tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Tập đoàn tới tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng quyết định về khách mời của Hội đồng quản trị khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp:

a) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trình bày nội dung chương trình họp. Nội dung chương trình họp phải xác định chi tiết và thời gian thảo luận cho từng vấn đề. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

b) Đối với trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông thì quyết định của Chủ tọa mang tính phán quyết cao nhất theo quy định.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự:

Việc thảo luận các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Tạo cơ hội cho cổ đông (i) đặt câu hỏi với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm toán viên độc lập và các cổ đông cần nhận được các câu trả lời rõ ràng (ii) có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin đầy đủ và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.

b) Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó không được trả lời ngay, Hội đồng quản trị Tập đoàn cần có văn bản trả lời sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát cùng với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cần phải có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp vắng mặt, các thành phần trên cần phải được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Nguyên nhân vắng mặt cần được công khai với lý do phù hợp, khách quan.

d) Những người quản lý của Tập đoàn, bao gồm mở rộng cả Lãnh đạo các ban của Tập đoàn có thể được phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, khi có yêu cầu.

e) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chỉ được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Biểu quyết:

a) Thông thường, việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu. Các trường hợp biểu quyết công khai phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định tại từng thời điểm.

b) Hội đồng quản trị chuẩn bị dự thảo Quy chế biểu quyết, bầu cử căn cứ theo Quy chế này. Các thông tin thường được đưa vào thẻ biểu quyết bao gồm:

- Tên và địa chỉ Tập đoàn;
- Tính chất cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường);
- Thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
- Các lựa chọn biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” đối với từng vấn đề được biểu quyết;
- Hạn cuối phải gửi các phiếu (thẻ) biểu quyết đã được điền tới Tập đoàn (nếu các phiếu biểu quyết này phải được gửi tới Tập đoàn);
- Địa chỉ gửi các phiếu biểu quyết đã được điền (nếu các phiếu biểu quyết này phải được gửi tới Tập đoàn);
- Nội dung hướng dẫn phiếu biểu quyết cần phải được cổ đông ký tên, trừ khi phiếu biểu quyết đó được sử dụng theo hình thức bỏ phiếu kín;
- Giải thích về việc bầu dồn phiếu với nội dung như sau: “Khi thành viên Hội đồng quản trị được bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, cổ đông có thể dùng tất cả số phiếu biểu quyết của mình để bầu cho một ứng cử viên hoặc một số ứng cử viên”;
- Thẻ biểu quyết cần có ô trống để cổ đông có thể điền số phiếu biểu quyết mà họ dành cho từng ứng cử viên;
- Thẻ biểu quyết phải ghi rõ số lượng phiếu biểu quyết mà mỗi cổ đông có thể bỏ phiếu quyết định về từng vấn đề;
- Nội dung hướng dẫn cách thức điền vào thẻ biểu quyết, cần hướng dẫn rằng nếu cá nhân đại diện cho cổ đông là một pháp nhân điền vào thẻ biểu quyết thì phải nêu rõ tên, chức vụ của cá nhân đó và tên đầy đủ của tổ chức mà cá nhân đó đại diện;
- Hướng dẫn rằng Bản sao giấy ủy quyền cần được đính kèm thẻ biểu quyết và đại diện của những cổ đông này phải ký vào thẻ biểu quyết (nếu việc biểu quyết được thực hiện thông qua đại diện được ủy quyền).

9. Kiểm phiếu và Biên bản kiểm phiếu ghi lại kết quả biểu quyết:

a) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu. Tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu phải ký tên trên biên bản kiểm phiếu.

b) Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chi tiết sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tập đoàn; số và ngày cấp Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu phát ra, thu về;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết (trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp);
- Tính chất của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường);
- Thời gian bắt đầu thực hiện đăng ký cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp không được tính do không họp lệ;
- Hình thức biểu quyết;
- Tên các thành viên Ban kiểm phiếu;
- Ngày lập Biên bản kiểm phiếu;
- Thời gian bắt đầu kiểm phiếu, trong trường hợp quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trong cuộc họp.

10. Công bố kết quả kiểm phiếu và quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng của từng vấn đề.

11. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi: (i) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết và (ii) Kết quả biểu quyết đã được công bố.

12. Lưu phiếu biểu quyết:

Sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các thẻ biểu quyết và các văn bản hướng dẫn biểu quyết đều được đóng dấu và bỏ vào hòm phiếu. Toàn bộ tài liệu được lưu giữ theo chế độ về lưu trữ của Tập đoàn.

13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thuộc về Thư ký lập

biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa và Thư ký lập biên bản Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Ngoài ra, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông còn phải tuân thủ những yêu cầu như sau:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Tập đoàn, công bố thông tin theo đúng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp.
- Trong điều kiện cho phép, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông nên được kiểm tra bởi một (01) cổ đông do Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cổ đông này phải ký tên trên Biên bản họp sau khi kiểm tra.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có các thông tin cơ bản như sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Tên của chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông;
 - Tên của cổ đông được bầu làm người kiểm tra biên bản họp (nếu có);
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
 - Ngày lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Ngoài ra, các tài liệu có liên quan phải được lưu trữ kèm theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại trụ sở chính của Tập đoàn bao gồm:
- Danh sách cổ đông đăng ký dự họp;
 - Toàn văn nghị quyết đã được thông qua tại cuộc họp;

- Tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp;
- Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trình tự, điều kiện và trách nhiệm triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 16 Điều lệ. Ngoài ra, các quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Các trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ.

2. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
- Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ;
- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản nếu Ban kiểm soát thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

b) Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu không sở hữu hoặc đại diện cho tỷ lệ phiếu biểu quyết theo yêu cầu (ít nhất là 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với vấn đề được yêu cầu đưa ra thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông) trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng;

- Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất thường.

- Nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có nội dung khác nhau liên quan tới mục đích cụ thể của việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Thời hạn tiến hành cuộc họp có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố:

- Thời gian tối đa từ ngày quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tới ngày tổ chức cuộc họp;

- Thời gian tối đa từ ngày nhận được yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tới ngày tổ chức họp;

- Ngày đăng ký cuối cùng;

- Thông báo mời họp tới các cổ đông.

Điều 7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định như sau:

1. Các nghị quyết phải được thông qua với tỷ lệ phiếu biểu quyết được quy định tại Điều 21 Điều lệ.

2. Các nghị quyết phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản. Các nghị quyết liên quan đến việc phát hành các loại chứng khoán khác phải phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ.

Các trường hợp sau đây cần phải được xem xét cẩn trọng vì có thể dẫn tới việc hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Không thông báo mời họp kịp thời tới tất cả các cổ đông;

b) Không cho các cổ đông có cơ hội được tiếp cận với các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Nghị quyết được thông qua nhưng vi phạm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các nội dung có trong Nghị quyết mà không có trong chương trình nghị sự đã diễn ra trong thực tế.

4. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu có liên quan kèm theo (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

Điều 8. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị:

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Tập đoàn trong năm tài chính;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát:

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Bộ máy quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Bộ máy Ban điều hành và cổ đông.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 9. Thẩm quyền

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ.

Điều 10. Thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và

cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều 18 Điều lệ.

1. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tập đoàn phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn;

2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền;

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tập đoàn theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng

vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

5 Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tập đoàn có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 3

CÁC HÌNH THỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG KHÁC

Điều 11. Trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức họp trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình của Tập đoàn để quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác như: họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp. Cổ đông đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Tập đoàn có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin phù hợp để đảm bảo quyền tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác cùng các quy định về trình tự, thủ tục và yêu cầu cụ thể về đăng ký dự họp, cách thức tiến hành, thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp sẽ tuân thủ quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo từng thời điểm.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến (hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến) và bỏ phiếu điện tử do Hội đồng quản trị Tập đoàn quyết định và gửi đồng thời với các nội dung, chương trình, tài liệu,... đến cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến (hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến) và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nêu trên) cũng được áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Hệ thống tổ chức Đại hội bằng hình thức này cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.

- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng.

- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh

Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ và Điều 12 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn

Điều 13. Thành phần, cơ cấu của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều 25 Điều lệ, được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Tập đoàn và cổ đông vào từng thời kỳ.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tập đoàn cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Tập đoàn phải đảm bảo theo quy định pháp luật.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Phân loại thành viên của Hội đồng quản trị:

a) Các thành viên của Hội đồng quản trị được phân loại như sau:

- Theo tính điều hành: Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành và thành viên không điều hành

- Theo tính độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thành viên độc lập và thành viên không độc lập.

Như vậy, có 3 (ba) nhóm thành viên Hội đồng quản trị như sau:

(i) Thành viên Hội đồng quản trị điều hành;

(ii) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

(iii) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (không độc lập).

b) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý, điều hành nào trong Tập đoàn.

c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ và đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập

đoàn ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

- Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn; là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn.

5. Ứng cử, đề cử, thẩm tra tư cách ứng cử viên:

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tập đoàn, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn;

g) Các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

6. Phẩm chất, năng lực:

Yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

a) Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Tập đoàn;

b) Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

c) Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;

d) Có kinh nghiệm, am hiểu các vấn đề sản xuất kinh doanh, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;

e) Có khả năng đưa kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

Điều 14. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Nguyên tắc bầu Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và pháp luật. Theo đó, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cụ thể như sau:

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Việc bầu dồn phiếu để xác định thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế bầu cử do Hội đồng quản trị dự thảo và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp;

b) Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

c) Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý thành viên Hội đồng quản trị

Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải hành động vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn được thể hiện như sau:

1. Trách nhiệm:

a) Thể hiện ở việc các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cẩn trọng và chuyên nghiệp, cụ thể:

- Hành động một cách trung thực với thiện ý;
- Phải chủ động và tránh để bị rơi vào tình thế thụ động;
- Cẩn trọng ở mức độ tối đa;
- Thường xuyên tham gia một cách tích cực vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Tập trung vào các vấn đề trong chương trình nghị sự tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ động yêu cầu tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết;

- Đảm bảo rằng Tập đoàn có một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin cho Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị nắm vững những vấn đề trong Tập đoàn;

- Thực thi trách nhiệm giám sát phù hợp đối với Cán bộ quản lý cấp cao.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải trung thành với lợi ích của Tập đoàn và các cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được thực hiện các hành động sau:

- Tham gia vào Hội đồng quản trị của Đối thủ cạnh tranh;

- Sử dụng tài sản và tiện ích của Tập đoàn để phục vụ nhu cầu riêng;

- Tiết lộ thông tin bí mật làm ảnh hưởng tới lợi ích của Tập đoàn;

- Sử dụng thông tin hoặc các cơ hội kinh doanh của Tập đoàn vì lợi ích cá nhân để thu lợi riêng.

c) Thành viên Hội đồng quản trị sẽ dừng thực thi nhiệm vụ của mình nếu có xung đột lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị phải ngay lập tức thông báo cho Hội đồng quản trị thông qua Người phụ trách quản trị Tập đoàn về bất kỳ một xung đột lợi ích tiềm ẩn nào. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ báo cáo thông tin về xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 41 Điều lệ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện việc bảo mật thông tin. Đặc biệt là:

- Thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin bí mật của Tập đoàn thông qua việc xác lập các quy định nội bộ về bảo vệ và công bố thông tin của Tập đoàn cũng như các tiêu chuẩn sử dụng thông tin bí mật đó;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn hoặc sử dụng thông tin mật của Tập đoàn vì lợi ích riêng;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được tiết lộ thông tin bí mật của Tập đoàn trong (05) năm kể từ ngày rời khỏi Tập đoàn. Yêu cầu này sẽ được quy định trong Thỏa thuận thành viên được ký kết giữa Tập đoàn và thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị trước khi đảm nhận vai trò thành viên hoặc trong một thời gian ngắn nhất từ khi trở thành thành viên sẽ ký bản cam kết về việc nhận thức và thực hiện các yêu cầu của pháp luật và các bổn phận liên quan đến việc bảo mật thông tin.

e) Các trách nhiệm khác (được quy định cụ thể tại Quy chế này khi phát sinh).

2. Nghĩa vụ pháp lý:

a) Thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ pháp lý quy định tại Điều lệ và khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra (nếu có).

b) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố với Tập đoàn các khoản thù lao mà thành viên này nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn.

c) Bảo vệ các thành viên Hội đồng quản trị trước nghĩa vụ pháp lý: Tập đoàn cho phép thành viên Hội đồng quản trị giải trình và chứng minh việc thực hiện các trách nhiệm của mình là đúng. Ngoài ra, Tập đoàn có thể áp dụng các biện pháp hạn chế thiệt hại đối với những tổn thất có thể phát sinh khi các Thành viên Hội đồng quản trị thi hành nhiệm vụ, thông qua các giải pháp cụ thể sau:

- Thực hiện mua bảo hiểm về trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị sẽ ban hành quy chế bảo vệ thành viên Hội đồng quản trị trước những khiếu kiện, trách nhiệm và chi phí bồi thường trong một số trường hợp.

d) Tập đoàn sẽ hoàn trả cho thành viên Hội đồng quản trị những chi phí phát sinh trong việc bảo vệ bản thân cá nhân đó trước khiếu kiện liên quan đến vai trò thành viên Hội đồng quản trị của cá nhân đó, nếu cá nhân đó:

- Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn;

- Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Điều 16. Chế độ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chế độ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định. Trong đó, Tập đoàn sẽ cam kết mức thù lao:

a) Mang tính cạnh tranh và nằm trong giới hạn hợp lý;

b) Thù lao thành viên Hội đồng quản trị điều hành thấp hơn thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (một phần thù lao của thành viên Hội đồng quản trị điều hành đã được tính trong tiền lương, tiền thưởng);

c) Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là ngang nhau.

2. Kết cấu của khoản thù lao được quy định tại Điều lệ và Quy chế này, có thể bao gồm:

a) Một khoản tiền thù lao cố định;

b) Một khoản tiền thù lao cho việc tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Khoản tiền thù lao cho những công việc làm thêm trong các Tiểu ban của

Hội đồng quản trị;

d) Các khoản thù lao cho những trách nhiệm bổ sung, vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng một Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 17. Quy trình làm việc của Hội đồng quản trị

Quy trình làm việc của Hội đồng quản trị và các cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn.

Điều 18. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ.

b) Hội đồng quản trị có thể xem xét thành lập một số tiểu ban khác nếu thấy cần thiết (như Tiểu ban đạo đức, Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro,...). Thời hạn hoạt động, tiêu chuẩn của các thành viên, chức năng cụ thể của từng Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được xác định trong quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên của các tiểu ban:

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thẩm quyền của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:

a) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.

Điều 19. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

1. Vai trò của Người phụ trách quản trị Tập đoàn:

Người phụ trách quản trị Tập đoàn hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả, cụ thể:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Bổ nhiệm, nhiệm kỳ và miễn nhiệm:

a) Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tập đoàn có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ với nhiệm kỳ đầu tiên là ba (3) năm, nhiệm kỳ tiếp theo tối đa là năm (05) năm.

c) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tập đoàn tùy từng thời điểm.

Chương IV

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 20. Bộ máy điều hành và thẩm quyền của Bộ máy điều hành

1. Cơ cấu của Bộ máy điều hành được quy định tại Điều 33 Điều lệ bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Mọi quan hệ công tác giữa các thành viên của Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quy định. Tổng Giám đốc có tất cả các thẩm quyền trừ các thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như được quy định tại Điều 35 Điều lệ, cụ thể:

a) Tổng Giám đốc quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn (trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) và thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Tập đoàn hoặc Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Quyền hạn của từng thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định thông qua văn bản quy định nội bộ sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị (bao gồm Quy định về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu

khác).

3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Bộ máy điều hành do Tổng Giám đốc quyết định, trong đó phải đảm bảo:

a) Mọi thành viên của Bộ máy quản lý đều có nghĩa vụ và trách nhiệm với Tập đoàn giống như các thành viên Hội đồng quản trị và phải tuân theo cùng tiêu chuẩn trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị như được đề cập tại Điều 15.1 của Quy chế này.

b) Nhiệm vụ và trách nhiệm của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được quy định cụ thể tại các văn bản, tài liệu và quy định nội bộ của Tập đoàn do Tổng Giám đốc ban hành theo thẩm quyền sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị.

4. Thủ tục xin phê duyệt của Hội đồng quản trị:

Tổng Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 27 Điều lệ.

5. Các nội dung, vấn đề mà Tổng Giám đốc phải xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ và theo quy trình tại Điều 33 Quy chế này.

Điều 21. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Bộ máy điều hành

1. Bầu chọn và nhiệm kỳ của Bộ máy điều hành:

a) Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 34 Điều lệ.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác cùng các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

b) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

- Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

- Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với nhu cầu quản trị của Tập đoàn.

- Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

a) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ

chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tập đoàn, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn;

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn;

e) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng:

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

a) Không thuộc đối tượng những người không được làm Kế toán theo quy định tại điều 52 Luật Kế toán 2015;

b) Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Tập đoàn;

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức:

Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 36 Điều lệ. Hội đồng quản trị sẽ xây dựng thủ tục, quy trình có liên quan cho các trường hợp cụ thể để thực hiện quy trình bãi miễn, miễn nhiệm, cách chức với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định tại Điều 37 Điều lệ.

5. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức thành viên Bộ máy điều hành, Tập đoàn có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tập đoàn và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tập đoàn theo trình tự và quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 22. Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm ban hành quy định về:

1. Tần suất tổ chức các cuộc họp của Tổng Giám đốc;
2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp của Tổng Giám đốc;

3. Triệu tập, nội dung, tổ chức và chủ trì các cuộc họp Tổng Giám đốc;
4. Thủ tục ra quyết định trong các cuộc họp của Tổng Giám đốc và ký các văn bản, quyết định và biên bản cuộc họp của Tổng Giám đốc;
5. Hình thức và thời hạn thông báo họp;
6. Biểu quyết trong các cuộc họp của Tổng Giám đốc;
7. Thư ký cuộc họp, biên bản các cuộc họp của Tổng Giám đốc và chế độ lưu trữ.

Điều 23. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Chính sách lương thưởng và lợi ích khác:

Hội đồng quản trị sẽ quyết định về chính sách lương thưởng và lợi ích khác theo quy định, hoặc cho ý kiến về chính sách lương thưởng do Ban điều hành đề xuất. Thù lao (lương, thưởng và lợi ích khác) của các thành viên Bộ máy điều hành có thể bao gồm một phần cố định và một phần biến động tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn.

Điều 24. Đào tạo và Đánh giá năng lực hoạt động

1. Khuyến khích thành viên của Bộ máy điều hành tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận theo quy định. Chi phí đào tạo sẽ do Tập đoàn đài thọ 100%.
2. Hội đồng quản trị có thể ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với các thành viên Bộ máy điều hành. Quy định này phải bao gồm tối thiểu các nội dung: phương pháp, tần suất, cách thức, trình tự.
3. Hội đồng quản trị cũng có thể dựa vào (i) các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên Bộ máy điều hành và (ii) ý kiến đánh giá của Tổng Giám Đốc đối với thành viên Bộ máy điều hành.

Chương V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Thành phần và yêu cầu đối với Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát:
 - a) Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - b) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số, Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của

Tập đoàn. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát có ít nhất (01) một thành viên chuyên trách.

c) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

d) Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát họp ít nhất 02 lần trong một năm; số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký cuộc họp (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

e) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên có thể là chuyên trách hoặc kiêm nhiệm;

c) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn trong 03 năm liền trước đó;

d) Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn;

e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Mẹ Tập đoàn;

f) Không phải là người quản lý Tập đoàn;

g) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tập đoàn;

h) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

i) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.

Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 45

Điều lệ, cụ thể như sau:

a) Giám sát tình hình tài chính của Tập đoàn, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

b) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.

f) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tập đoàn, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tập đoàn khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

h) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;

i) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn;

j) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp, thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tập đoàn;

l) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tập đoàn để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

m) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tập đoàn;

o) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

q) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:

Ngoài quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tập đoàn phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tập đoàn lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tập đoàn trong giờ làm việc;

e) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tập đoàn

phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ của Tập đoàn, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tập đoàn và cổ đông của Tập đoàn;

c) Trung thành với lợi ích của Tập đoàn và cổ đông Tập đoàn; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tập đoàn, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định (nêu trên) mà gây thiệt hại cho Tập đoàn hoặc người khác, thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này phải hoàn trả Tập đoàn.

f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao, thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên

Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ. Các nội dung được cụ thể như sau:

1. Tư cách và không còn tư cách Kiểm soát viên được quy định tại Điều 50 Điều lệ.

2. Nhiệm kỳ, số lượng và việc bầu lại Kiểm soát viên được quy định tại Điều 43, Điều 44 Điều lệ.

3. Cách thức biểu quyết bầu Kiểm soát viên được quy định tại khoản 4 Điều 43 Điều lệ.

Điều 28. Thù lao cho Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Kiểm soát viên được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Tập đoàn như cán bộ, nhân viên khác tại Tập đoàn.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn.

Điều 29. Quy trình hoạt động của Ban kiểm soát

1. Quy trình hoạt động của Ban Kiểm soát để thực thi quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 45 Điều lệ và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai cụ thể theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định.

2. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Thư ký của buổi họp và các thành viên tham dự họp phải ký vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu trữ như một tài liệu quan trọng của Tập đoàn nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát t.

Điều 30. Báo cáo của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát do Trưởng Ban Kiểm soát chủ trì thực hiện trên cơ sở Biên bản của Ban Kiểm soát.

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát phải có phần ý kiến của Hội đồng quản trị trong trường hợp không thống nhất ý kiến.

Chương VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 31. Nguyên tắc làm việc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tập đoàn.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 32. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tập đoàn, Ban Kiểm soát có

nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động của Tập đoàn. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

- Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc;

- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

Và được cung cấp theo nguyên tắc sau: Tài liệu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được gửi đến Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đối với Bộ máy điều hành: Ban Kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

a) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

b) Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Tập đoàn, Ban Kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban Kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

c) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban Kiểm soát phải được gửi đến Tập đoàn trước ít nhất 48 giờ.

d) Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban Kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

4. Đối với Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động

(không dài hơn 1 quý), tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Tập đoàn, thì thành viên Ban Kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng Ban Kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng Ban Kiểm soát bàn bạc với Hội đồng quản trị giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Tập đoàn. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra nêu trên, Ban Kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản và Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

d) Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì Ban Kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e) Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban Kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày.

f) Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà Hội đồng quản trị gửi đến Ban Kiểm soát để có ý kiến thì Ban Kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.

Điều 33. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Đối với Ban Kiểm soát:

a) Chương trình, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 07 ngày kể từ ngày xác lập.

c) Đối với đề xuất của Ban Kiểm soát về số lượng thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày.

d) Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 07 ngày.

2. Đối với Bộ máy điều hành:

a) Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày.

b) Đối với việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho người quản lý theo Điều lệ thì: (i) nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị; (ii) được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Người phụ trách quản trị Tập đoàn và (iii) đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.

c) Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

d) Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc trao tay có sự chứng kiến của Người phụ trách quản trị Tập đoàn.

e) Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Tập đoàn để phục vụ công việc của Hội đồng quản trị, sau khi thông báo cho Tổng Giám đốc. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 giờ.

f) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp các thông tin về hoạt động của Tập đoàn nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.

g) Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị Tập đoàn; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.

h) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày.

i) Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy điều hành, Hội đồng quản trị phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.

j) Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 07 ngày (thông qua Người phụ trách quản trị Tập đoàn).

k) Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc: mức lương và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự phải được gửi trước ít nhất là 48 giờ.

l) Đối với các khoản chi tiêu, sử dụng chi phí của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Tập đoàn.

Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành

1. Đối với Hội đồng quản trị:

a) Tổng Giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Tập đoàn, đảm bảo Tập đoàn hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả.

b) Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch hoả, hoả hoạn, sự cố bất ngờ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó.

c) Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

d) Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến Hội đồng quản trị trước 07 ngày (khuyến khích việc đồng gửi cho Ban Kiểm soát).

e) Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người quản lý, Tổng Giám đốc gửi trước ít nhất là trong vòng 07 ngày.

2. Đối với Ban Kiểm soát:

Tổng Giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 35. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị quyết định các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và người quản lý khác của Bộ máy điều hành.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Tập đoàn và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo quy định.

Điều 36. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị quyết định hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

3. Hình thức thưởng:

a) Bằng tiền;

b) Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn (nếu có).

4. Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tập đoàn và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 37. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị quyết định hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Bộ máy điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Bộ máy điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tập đoàn thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tập đoàn, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 38. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chưa được đề cập trong bản Điều lệ của Tập đoàn cũng như bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng ngay sau khi có hiệu lực thi hành và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn.

Điều 39. Ngày hiệu lực

1. Bản quy chế này gồm 8 chương, 39 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của bản Quy chế này.

2. Quy chế này được thành lập 10 bản, có giá trị như nhau.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tập đoàn.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
(Kèm theo Tờ trình số 433/TTr-HĐQTCSVN ngày 25/5/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Giữ nguyên theo kết cấu Thông tư Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	
2. Trên cơ sở thảo luận và thống nhất trong biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quyết định phân công trách nhiệm đối với từng lĩnh vực của các thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc nhiều lĩnh vực và phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc được phân công. Việc phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Tập đoàn theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh phải có sự trao đổi, bàn bạc trước với các thành viên Hội đồng quản trị liên quan và nội dung sửa đổi phải được thông qua bằng nghị quyết.		Đề xuất bỏ vì Khoản này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.		Đề xuất bỏ vì Khoản này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.		Đề xuất bỏ vì Khoản này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn; b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác; d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, Công ty con, Công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật; f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc thuộc lĩnh vực được phân công; g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt	2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn và các nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn; b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh số khoản , giữ nguyên nội dung theo kết cấu Thông tư Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong từng thời kỳ; h) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Tập đoàn; k) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy chế này, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên; l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tập đoàn, Quy chế này và quy định pháp luật khác có liên quan.		
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa 09 (chín) người. Số lượng, cơ cấu Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tối thiểu là ba (03) người và tối đa là chín (09) người; số lượng, cơ cấu Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành; tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc xác định số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn và quy định pháp luật hiện hành. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng	Giữ nguyên theo kết cấu Thông tư Thông tư 116/2020/TT-BTC, tuy nhiên đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định tại Điều 25 Điều lệ Tập đoàn (đã sửa đổi, bổ sung).

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.	
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tập đoàn; c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 03 (ba) Công ty khác. d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý Tập đoàn, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ; e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước; f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và điểm a, b khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp (Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025); b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tập đoàn; c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác; d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý Tập đoàn, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Csshông ty mẹ; e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước;	- Đảm bảo theo kết cấu nội dung theo 116/2020/TT-BTC, tuy nhiên đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định, cụ thể: Điểm a: bổ sung quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025; - Điểm c: Sửa đổi bổ sung cho phù hợp quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
kiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.	f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.	
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Tập đoàn. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn không được kiêm Tổng Giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn. - Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Tập đoàn. - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tập đoàn. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản	Bổ sung Khoản 5, 6 để đảm bảo theo kết cấu theo 116/2020/TT-BTC, đồng thời sắp xếp bố cục, bổ sung nội dung cho phù hợp với quy định tại Điều lệ Tập đoàn (Do Thông tư 116/2020/TT-BTC có hướng mở về Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty).

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, euộc họp Hội đồng quản trị; f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tập đoàn, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn; g) Các quyền khác theo Điều lệ Tập đoàn, theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật có liên quan. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Tập đoàn cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.	trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông; f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tập đoàn, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn; <i>g) Ký ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;</i> h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan; 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị. <i>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Tập đoàn... cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i>	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	6. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp; f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn; h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Điều lệ này; i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và Điều 35 Điều lệ Tập đoàn; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị; c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội	Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
f) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba); b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Tập đoàn; c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn; c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên	Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Hội đồng quản trị 1. Nguyên tắc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên được quyền đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn. a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	Hội đồng quản trị <i>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</i> a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	- Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 1 theo nội dung Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Điểm a, b khoản 1, khoản 2,3,4 tương ứng với nội dung tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, đề xuất giữ nguyên.
Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là Cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Điều lệ Tập đoàn. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo Điều 13 Quy chế này hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định, theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tập đoàn bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông	<i>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i> 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại <i>Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.</i> <i>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</i> <i>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</i>	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo bố cục tại Điều 11 Quy chế mẫu của Thông tư 116/2020/TT-BTC. Đề xuất nội dung khoản 2 viện dẫn theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Tập đoàn (không liệt kê chi tiết như tại Thông tư 116 do Điều lệ đã quy định cụ thể)

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
qua:		
Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị	Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị	
... 5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: ... e) Những nội dung về tài chính: - Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định; - Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi; - Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt; - Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập đoàn, việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù); - Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; - Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ - Tập đoàn; - Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ	... 5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: ... e) Những nội dung về tài chính: - <i>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác; quyết định việc bảo lãnh và cho vay vốn đối với công ty thành viên của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn; trường hợp là hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tập đoàn;</i> - <i>Quyết định phương án bán tài sản theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;</i> - Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định; - Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi; - Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt; - Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập	Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành Quy chế mẫu về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và là căn cứ tham khảo về kết cấu/nội dung. Tuy nhiên, căn cứ nhu cầu quản trị nội bộ của Tập đoàn, việc quy định riêng một điều khoản về hình thức, nguyên tắc thông qua, hiệu lực, lưu trữ Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị là cần thiết để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất áp dụng và kiểm soát tuân thủ trong toàn Tập đoàn. Nội dung Điều 13 không làm trái quy định pháp luật hiện hành, đồng thời cụ thể hóa thẩm quyền, trình tự ban hành văn bản của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Tập đoàn. Vì vậy, đề nghị giữ lại

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
tục trả cổ tức. ... h) Các quy chế, quy trình, quy định về quản trị nội bộ trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. ...	đoàn, việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù); - Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; - Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ - Tập đoàn; - Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức. ... h) Các quy chế, quy trình, quy định về quản trị nội bộ trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; <i>quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn theo Điều lệ Tập đoàn.</i> ...	Điều 13 trong Quy chế
Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên	Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch <i>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:</i> <i>a) Cổ đông, Người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;</i> <i>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;</i> <i>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm</i>	- Theo Quy chế HĐQT hiện hành, Điều này được quy định tại Điều 19. Tuy nhiên đề xuất sắp xếp lại Điều khoản để phù hợp với bố cục Quy chế mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 1 cho phù hợp với quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 39 Điều lệ Tập đoàn.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	<i>soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</i>	
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung đảm bảo theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 15. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung đảm bảo theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian, địa điểm họp; c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian, địa điểm họp; c) Mục đích, chương trình và nội dung họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền	Đề xuất điều chỉnh bổ sung theo Điều 17 Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp sau: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. 2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật tại trụ	dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn. 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
sở chính của Tập đoàn. 4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.		
Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	Điều chỉnh điều, giữ nguyên nội dung.
Chương VI MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương VI MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC, đề xuất bỏ
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành 1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. 2. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. 3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn	Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Sửa đổi theo quy định tại Điều 22 Quy chế mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Tập đoàn, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Tập đoàn và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Tập đoàn. 4. Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn và các sự cố bất ngờ hoặc các quyết định trong trường hợp liên quan đến thời cơ và cơ hội kinh doanh trên cơ sở lợi ích của Tập đoàn. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định này. 5. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. 6. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc giải trình các quyết định liên quan đến hoạt động điều hành nhưng không can thiệp trực tiếp vào các công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc. 7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và quyết định đối với các kiến nghị, đề nghị của Tổng Giám đốc trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn. 8. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tập đoàn thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị để đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó cho		

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
phù hợp. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp, Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác. 9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Quý, Năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong thời kỳ tới của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn, thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau. 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị đại diện tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị cử tham dự phiên họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất cho Hội đồng quản trị. 11. Các đề án, chương trình do Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng, Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các nguồn lực và chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy nghiệp vụ thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị chỉ đạo, phân công. 12. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 13. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.		

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
14. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tập đoàn hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời. 15. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.		
Điều 26. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn 1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát kịp thời. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Điều 25. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát kịp thời.	Sửa đổi theo quy định tại Điều 23 Quy chế mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Đồng thời, thống nhất mô hình quản trị theo Điều lệ Tập đoàn, hiện tại Điều lệ Tập đoàn không quy định về “Ủy ban kiểm toán”.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu, tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm. 5. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị. 6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng ủy Tập đoàn về nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ; phối hợp với Công đoàn Cao su Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của Tập đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình. Hội đồng quản trị đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy định của pháp luật.		
Điều 27. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị 1. Người phụ trách quản trị Tập đoàn: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá 05 (năm) năm. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn được quy định tại khoản 6 Điều 37 Điều lệ Tập đoàn. 2. Ban quản trị và Tham mưu tổng hợp: Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp do Hội đồng quản trị	Điều 26. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị 1. Người phụ trách quản trị Tập đoàn: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá 05 (năm) năm. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn được quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ Tập đoàn. 2. Ban quản trị và Tham mưu tổng hợp: Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp do Hội đồng quản trị	- Thông tư Thông tư 116/2020/TT-BTC không có Điều khoản này, tuy nhiên, căn cứ Luật chứng khoán (Điều 4), Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều lệ Tập đoàn (Điều 28) và yêu cầu thực tiễn và quản trị nội bộ của Tập đoàn, việc quy định riêng một điều khoản về Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
quyết định thành lập; trong đó Người phụ trách quản trị Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp thực hiện hoặc có thể phân công 01 (một) thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp được quy định tại quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Thư ký Hội đồng quản trị: Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị quy định như sau: a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, người quản lý khác, các cơ quan trong và ngoài Tập đoàn,... b) Thông báo cho Văn phòng Tập đoàn chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; d) Ghi Biên bản phiên họp, tham gia kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị; f) Chuyển giao các hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận Văn thư Tập đoàn lưu trữ; g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản	quyết định thành lập; trong đó Người phụ trách quản trị Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp thực hiện hoặc có thể phân công 01 (một) thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp được quy định tại quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Thư ký Hội đồng quản trị: Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị quy định như sau: a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, người quản lý khác, các cơ quan trong và ngoài Tập đoàn,... b) Thông báo cho Văn phòng Tập đoàn chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; d) Ghi Biên bản phiên họp, tham gia kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị; f) Chuyển giao các hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận Văn thư Tập đoàn lưu trữ; g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản	trị là cần thiết. Do đó đề xuất giữ nguyên điều khoản này. - Do Khoản 4 Điều này trùng với Điều 15 Quy chế nên đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan; h) Tham gia các chuyến công tác với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu; i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp phân công. 4. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để chuyên môn hóa, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công ở thời điểm thích hợp. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và một số tiểu ban khác nếu thấy cần thiết (như Tiểu ban đạo đức, Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro,...). Thời hạn hoạt động, tiêu chuẩn của các thành viên, chức năng cụ thể của từng Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được quy định tại quyết định thành lập của Hội đồng quản trị. Thành viên và thẩm quyền của các Tiểu ban được quy định cụ thể tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra. 5. Ngoài bộ máy giúp việc tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Hội đồng quản trị có thể có các trợ lý, chuyên viên giúp việc, sử dụng bộ máy điều hành, bộ máy giúp việc Tập đoàn hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện	trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan; h) Tham gia các chuyến công tác với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu; i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp phân công. 4. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị <i>a) Việc thành lập, tổ chức, thành viên, thẩm quyền, nguyên tắc hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 15 Quy chế này, Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn và theo quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.</i> b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra. 5. Ngoài bộ máy giúp việc tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Hội đồng quản trị có thể có các trợ lý, chuyên viên giúp việc, sử dụng bộ máy điều hành, bộ máy giúp việc Tập đoàn hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.	

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.		
Điều 28. Đảm bảo các điều kiện làm việc khác của Hội đồng quản trị		Điều này không có trong Thông tư 116/2020/TT-BTC, đề xuất bỏ
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 29. Bổ sung, sửa đổi Quy chế 1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP quyết định theo Điều lệ Tập đoàn và quy định của pháp luật. 2. Những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác những nội dung cụ thể trong quy chế này thì sẽ được áp dụng và thực hiện theo quy định pháp luật.	Điều 27. Bổ sung, sửa đổi Quy chế 1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP quyết định theo Điều lệ Tập đoàn và quy định của pháp luật. 2. Những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác những nội dung cụ thể trong quy chế này thì sẽ được áp dụng ngay sau khi có hiệu lực thi hành và thực hiện theo quy định pháp luật.	Điều chỉnh Điều, giữ nguyên nội dung
Điều 30. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp Tập đoàn. 2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP sau khi sửa đổi, bổ sung này gồm 07 Chương, 30 Điều, đã được Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2025 nhất trí thông qua ngày 05/11/2025 và có	Điều 28. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp Tập đoàn. 2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP sau khi sửa đổi, bổ sung này gồm 07 Chương, 28 Điều, đã được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua ngày .../6/2026 và có	Điều chỉnh cho phù hợp

Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn hiện hành (ban hành ngày 05/11/2025)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. 3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/6/2024 hết hiệu thi hành kể từ ngày Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực. 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.	hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. 3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/11/2025 hết hiệu thi hành kể từ ngày Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực. 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (Tập đoàn), quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phân công, phân cấp, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (Điều lệ Tập đoàn) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, Công ty con, Công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tập đoàn quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tối thiểu là ba (03) người và tối đa là chín (09) người; số lượng, cơ cấu Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành; tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc xác định số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tập đoàn.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và

điểm a, b khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp (Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tập đoàn;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý Tập đoàn, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước;

f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn, là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn;

d) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Tập đoàn.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tập đoàn, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- g) Ký ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;
- h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan;

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Tập đoàn... cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tập đoàn phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị Tập đoàn có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tập đoàn và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tập đoàn;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên

có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;
- g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Tập đoàn. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản của Hội đồng quản trị được đánh số, lưu trữ theo đúng quy định về quản lý hành chính hiện hành. Trong trường hợp ý kiến của Tổng Giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông và cơ quan có thẩm quyền để xử lý; trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc

giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt);

b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp;

c) Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Quy chế này phải được khẳng định lại các nội dung đã thông qua bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này;

d) Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Những nội dung phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ Tập đoàn.

b) Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh:

- Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn đề trình Chủ sở hữu vốn;

- Xác định mục tiêu hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Tập đoàn;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Thông qua chủ trương liên kết đầu tư, hợp tác đầu tư giữa Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác; các giải pháp quan trọng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

- Phê duyệt hoặc thỏa thuận chi phí đầu tư tối đa trồng mới, chăm sóc cao su KTCB;

- Phê duyệt hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của Tập đoàn;

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm thường xuyên hàng năm của Công ty mẹ - Tập đoàn.

c) Những nội dung về thanh lý vườn cây, bàn giao đất về địa phương:

- Chủ trương, kế hoạch thanh lý cao su hàng năm để tái canh - trồng lại của Tập đoàn;

- Chủ trương, quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, khai thác) do các nguyên nhân thiên tai (hạn hán, mưa, gió, bão, cháy); kém hiệu quả;

- Thỏa thuận chủ trương thu hồi đất theo Thông báo/Quyết định của UBND cấp có thẩm quyền; chủ trương tự nguyện trả đất về địa phương; chủ trương bàn giao đất về địa phương theo quy định pháp luật đất đai;

- Thỏa thuận chủ trương thanh lý cây cao su, thanh lý tài sản cố định theo quy định.

d) Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị:

- Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, các công ty con, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần;

- Chủ trương điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại Công ty mẹ - Tập đoàn và đơn vị thành viên;

- Chủ trương sắp xếp bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động tại các đơn vị thành viên do Tập đoàn tham gia góp vốn và giữ quyền chi phối.

e) Những nội dung về tài chính:

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác; quyết định việc bảo lãnh và cho vay vốn đối với công ty thành viên của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn; trường hợp là hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Tập đoàn;

- Quyết định phương án bán tài sản theo quy định pháp luật và Điều lệ Tập đoàn;

- Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định;

- Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi;

- Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt;

- Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

- Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ - Tập đoàn;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

f) Những nội dung về tổ chức:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Tập đoàn;

- Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn;

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn;

- Cử Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; quyết định mức lương, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó;

- Quyết định cơ cấu tổ chức Tập đoàn; Quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tập đoàn và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Văn bản quy định về công tác định biên lao động, xây dựng thang bảng lương và chi trả tiền lương đối với người quản lý và người lao động Việt Nam ở các công ty cao su tại Campuchia và Lào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm

toán nội bộ của Tập đoàn (nếu có);

- Quyết định thông qua con dấu chính thức, loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tập đoàn.

g) Những nội dung mang tính chất chỉ đạo và các chủ trương khác:

- Chỉ đạo về việc sử dụng vốn đầu tư của các đơn vị thành viên Tập đoàn;
- Chủ trương chỉ đạo về việc tăng cường hiệu quả sử dụng đất và năng suất vườn cây và các nội dung khác theo thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;
- Thông qua quy trình kỹ thuật chế biến, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các quy trình sản xuất khác của Tập đoàn;
- Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Người đại diện vốn của Tập đoàn, Người quản lý doanh nghiệp tại các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Chủ trương bán, thanh lý tài sản chưa khấu hao hết, việc tổ chức lại hoặc phá sản công ty;
- Chủ trương cạo tận thu đối với vườn cây cao su chưa hết chu kỳ khai thác kinh doanh;
- Chủ trương nhượng bán quyền khai thác mủ trên vườn cây cạo tận thu tại các đơn vị thành viên.

h) Các quy chế, quy trình, quy định về quản trị nội bộ trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn theo Điều lệ Tập đoàn.

6. Những nội dung phát sinh thường xuyên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách quyết định theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn, bao gồm:

- Quyết định về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên;
- Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài;
- Quyết định hoặc thỏa thuận việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên;
- Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
- Thỏa thuận các nội dung theo quy định để Người đại diện vốn Tập đoàn biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường tại đơn vị;
- Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc

thẩm quyền Hội đồng quản trị;

- Quyết định hoặc văn bản huy động kinh phí quản lý, kinh phí khác cho Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên;

- Báo cáo gửi Chính phủ và các Cơ quan quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh Tập đoàn hoặc công văn xin cơ chế, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

- Chỉ đạo thực hiện các nội dung kết luận của các Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo các hoạt động toàn Tập đoàn luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

- Ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật, chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

- Văn bản chỉ đạo Ban điều hành, người quản lý khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

- Các Quyết định, chỉ đạo do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách ký ban hành phải được tổng hợp và báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị liên kế; các thành viên Hội đồng quản trị có quyền có ý kiến nếu nhận thấy là không phù hợp.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tập đoàn và chủ sở hữu, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:

- a) Cổ đông, Người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung

chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;
 - b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tập đoàn.
- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản nếu Ban kiểm soát thấy rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban

2. Việc thực thi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về Công ty của Tập đoàn.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác phải được tổ chức trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi Quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban Kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tập đoàn.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

16. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tập đoàn.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thay cho việc triệu tập họp thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay, qua email hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị.
- Mục đích lấy ý kiến.
- Vấn đề cần lấy ý kiến.
- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Thư ký Hội đồng quản trị đúng thời hạn ghi trên phiếu lấy ý kiến; nếu quá thời hạn mà không gửi lại phiếu lấy ý kiến được xem như biểu quyết tán thành. Trong trường hợp không thể kịp gửi lại, thành viên Hội đồng quản trị có thể cho ý kiến trước bằng Email hoặc tin nhắn gửi đến Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) Kiểm soát viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.

- Họ tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

7. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được Thư ký Hội đồng quản trị lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn;
- b) Báo cáo tài chính của Tập đoàn đã được kiểm toán độc lập;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn của Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với Luật sư, Kế toán viên, Kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao cho Người quản lý theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa

đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo

mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát kịp thời.

Điều 26. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị Tập đoàn:

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá 05 (năm) năm. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn được quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ Tập đoàn.

2. Ban quản trị và Tham mưu tổng hợp:

Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp do Hội đồng quản trị quyết định thành lập; trong đó Người phụ trách quản trị Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp thực hiện hoặc có thể phân công 01 (một) thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp được quy định tại quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thư ký Hội đồng quản trị:

Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị quy định như sau:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, người quản lý khác, các cơ quan trong và ngoài Tập đoàn,...

b) Thông báo cho Văn phòng Tập đoàn chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

d) Ghi Biên bản phiên họp, tham gia kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị;

f) Chuyển giao các hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận Văn thư Tập đoàn lưu trữ;

g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan;

h) Tham gia các chuyến công tác với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp phân công.

4. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Việc thành lập, tổ chức, cơ cấu thành viên, thẩm quyền, nguyên tắc hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này, tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn và theo quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra.

5. Ngoài bộ máy giúp việc tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Hội đồng quản trị có thể có các trợ lý, chuyên viên giúp việc, sử dụng bộ máy điều hành, bộ máy giúp việc Tập đoàn hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP quyết định theo Điều lệ Tập đoàn và quy định của pháp luật.

2. Những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác những nội dung cụ thể trong quy chế này thì sẽ được áp dụng ngay sau khi có hiệu lực thi hành và thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp Tập đoàn.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP sau khi sửa đổi, bổ sung này gồm 07 Chương, 28 Điều, đã được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua ngày .../6/2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/11/2025 hết hiệu thi hành kể từ ngày Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH